TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2018/DS-ST
Ngày 26-10-2018
V/v Tranh chấp về
"Hợp đồng tín dung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phúc;

Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2012/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2012 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B;

Địa chỉ: Ấp Thạnh P, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1979 – Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18-10-2016); có mặt.

Bị đơn: Ông Khum D, sinh năm 1974 và bà Huốt Sa M, sinh năm 1956; cư trú tại: Tổ 3, ấp Kà O, xã Tân Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm N, sinh năm 1963; cư trú tại: Tổ 2, ấp Kà Ốt, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ 6, ấp Đông Biên, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông Lương Văn P, sinh năm 1952; cư trú tại: Tổ 11, ấp Đông Tiến, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-3-2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-11-2016 và lời khai tại Tòa án, đại diện nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu Hiền trình bày: Ngày 21-3-2007, ông Khum D ký Hợp đồng tín dụng số 268/2007/HĐTD với Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B (từ đây gọi là QTD) để vay số tiền 25.000.000 đồng để mua xe gắn máy, lãi suất cho vay theo thỏa thuận 1,35%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,025%/ tháng, thời hạn cho vay 36 tháng.

Khi vay tiền, ông Khum D và bà Huốt Sa M có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ đây gọi là GCN QSDĐ), được UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-8-2001, tại thửa số 20, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.330 m^2. Đất tọa lạc tại ấp Kà Ốt, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông Khum D và bà Huốt Sa M đã trả tiền vay cho QTD được 7.500.000 đồng và tiền lãi trả đến ngày 15-01-2010 được 6.931.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Bà Hiền đại diện cho QTD yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Khum D và bà Huốt Sa M trả cho QTD số tiền vay còn nợ 17.500.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 2,025%/ tháng tính đến ngày 13-11-2016 là 33.249.300 đồng, tổng cộng 50.749.300 đồng và tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Lời khai của bà Huốt Sa M: Bà không nhớ cụ thể thời gian nào, bà Lâm N đến nhà hướng dẫn và giới thiệu vợ, chồng bà đến QTD để làm thủ tục vay số tiền. Vợ chồng bà chỉ có nhu cầu vay số tiền 10.000.000 đồng để chi phí trồng cao su, khi đi vay tiền chỉ có ông Khum D chồng bà đi cùng với bà Lâm N đến QTD lăn tay vào hợp đồng để vay số tiền 10.000.000 đồng và có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông Khum D đứng tên, nhưng thực tế bà Nữ giao cho vợ, chồng bà số tiền 9.450.000 đồng, còn trong hợp đồng ghi số tiền vay bao nhiêu vợ, chồng bà không biết do không biết chữ và cũng không ai đọc lại nội dung của hợp đồng.

Sau khi vay tiền, nhân viên QTD có đến nhà bà để thu tiền vay hay tiền lãi bà không rõ, nhưng mỗi lần thu tiền nhân viên QTD đều có viết phiếu thu và giao cho bà lưu giữ, còn cụ thể số tiền nộp được bao nhiêu bà không biết. Ngoài số tiền nộp trực tiếp cho nhân viên QTD, bà còn đưa cho bà Lâm N 3.000.000 đồng để trả tiền vay cho QTD giùm, nhưng bà Lâm N không giao lại cho bà phiếu thu.

Vợ, chồng bà đã trả xong số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền lãi cho QTD nên không đồng ý trả số tiền 50.749.300 đồng theo yêu cầu của QTD.

Lời khai của ông Khum D: Ông và bà Huốt Sa M là vợ chồng, nhưng đã sống ly thân. Năm 2007, ông có đến QTD để vay tiền, nhưng vay được tiền hay không ông không nhớ. Nếu bà Huốt Sa M có vay tiền của QTD thì có trách nhiệm trả nợ, ông không vay nên không có trách nhiệm trả theo yêu cầu của QTD.

Lời khai của bà Lâm N: Khoảng tháng 3-2007, người tên Tuấn là nhân viên của doanh nghiệp tư nhân Sơn Thành T (gọi là Doanh nghiệp) đến gặp bà và thông báo hộ người dân tộc cần vay tiền để mua xe, sửa nhà thì giới thiệu để Tuấn làm thủ tục, bà đã giới thiệu cho hộ Khum D, ông Mi Chi và một số hộ dân khác đem GCN QSDĐ đến để làm thủ tục vay tiền. Tuấn đem hồ sơ đến tại nhà bà để các hộ vay đến lăn tay sau đó đến UBND xã Tân Đông chứng thực, khoảng 10 ngày sau Tuấn thông báo cho bà và bà Hải đưa các hộ vay là người dân tộc và người kinh đến QTD làm thủ tục nhận tiền, nhưng sau khi ông Khum D, ông Mi Chi và các hộ vay lăn tay tại QTD thì cho về vì chưa có tiền. Khoảng 02 ngày sau ông Thành là chủ doanh nghiệp Sơn Thành T (doanh nghiệp không còn hoạt động, chủ doanh nghiệp đã chết) thông báo cho bà và bà Hải đến nhận tiền, số tiền ông Thành giao bao nhiêu bà không nhớ và cũng không làm giấy biên nhận. Hộ vay 10.000.000 đồng phải trả tiền công đi làm hồ sơ cho nhân viên của Doanh nghiệp 500.000 đồng và 50.000 đồng làm thẻ thành viên vay vốn, hộ ông Khum D và hộ ông Mi Chi đến nhà bà nhận được số tiền mỗi hộ 9.450.000 đồng. Sau khi vay tiền, bà Huốt Sa M có đưa cho bà 3.000.000 đồng để trả tiền vay cho QTD, nhưng bà không trực tiếp đi đóng tiền mà đưa lại cho bà Hải đi nộp thay, còn bà Hải có nộp không bà không biết.

Lời khai của bà Dương Thị H: Khoảng tháng 3-2007, bà có giới thiệu hộ ông Bùi Văn Nhàn và một số hộ người kinh đến Doanh nghiệp để vay tiền mua xe, còn bà Lâm N giới thiệu hộ người dân tộc. Trước khi đến QTD vay tiền, thì người tên Tuấn là nhân viên của Doanh nghiệp đem hồ sơ đến nhà bà Nữ cho các hộ vay là người dân tộc lăn tay, còn ông Nhàn, bà Hồng đến lăn tay vào hồ sơ tại nhà bà, số tiền vợ chồng ông Nhàn yêu cầu vay là 5.000.000 đồng, nhưng trong hợp đồng ghi số tiền vay bao nhiêu bà không biết, tất cả hợp đồng vay vốn sau đó Tuấn đem đến UBND xã Tân Đông chứng thực. Khoảng 10 ngày sau, Tuấn thông báo cho bà và bà Nữ đưa những người có hồ sơ vay tiền đến QTD làm thủ tục nhận tiền, nhưng sau khi các hộ vay lăn tay xong thì cho về, còn người tên Tuấn ở lại nhận tiền, 02 ngày sau ông Thành thông báo cho bà và bà Nữ đến Doanh nghiệp nhận tiền cho các hộ vay. Trước khi giao tiền, đối với hộ vay 10.000.000 đồng thì Tuấn trừ tiền công đi làm hồ sơ 500.000 đồng và 50.000 đồng làm thẻ thành viên vay vốn, nên hộ ông Mi Chi và hộ ông Khum D mỗi hộ chỉ nhận được số tiền vay 9.450.000 đồng. Đối với hộ của ông Nhàn vay 5.000.000 đồng bà nhận đủ và ông Nhàn trực tiếp đến nhận lại tại nhà bà. Sau khi vay tiền, hộ ông Mi Chi đưa trực tiếp cho bà 3.000.000 đồng để trả tiền vay cho QTD; hộ ông Khum D đưa cho bà Nữ 3.000.000 đồng nhờ trả tiền vay cho QTD, nhưng bà N

đưa lại cho bà, số tiền 6.000.000 đồng bà trả tiền vay cho hai hộ trên tại QTD, nhưng QTD trừ vào tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hiền đại diện cho QTD yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Khum D và bà Huốt Sa M trả số tiền vay còn nợ cho QTD là 17.500.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng, gồm tiền lãi trong hạn và quá hạn đến ngày 26-10-2018 là 41.660.300 đồng, tổng cộng 59.160.300 đồng.

Ông Khum D và bà Huốt Sa M; bà Dương Thị H và bà Lâm N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Lương Văn P, Tòa án không triệu tập.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: QTD khởi kiện yêu cầu ông Khum D và bà Huốt Sa M trả số tiền vay 17.500.000 đồng và tiền lãi đến ngày 26-01-2008 là 41.660.300 đồng là không có cơ sở, vì trong quá trình giải quyết vụ án hộ ông Khum D lăn tay tại QTD để vay 10.000.000 đồng, do không biết chữ và không nói được tiếng Việt, nhưng khi lăn tay vào hợp đồng không có người phiên dịch đọc lại cho nghe nội dung của hợp đồng, nên không biết số tiền ghi trong hợp đồng là bao nhiêu, mà chỉ thông qua bà Hải, bà Nữ nên làm cho ông Khum D hiểu sai về số tiền vay, do đó việc ghi số tiền vay 25.000.000 đồng vào hợp đồng tín dụng là không đảm bảo sự tự nguyện trong giao dịch dân sự. Toàn bộ hồ sơ vay vốn của hộ ông Khum D đều do bà Hải, bà Nữ và người của Salon Sơn Thành T thực hiện, việc những người này tự ý nâng số tiền vay lên trong hợp đồng để có tiền mua xe là có sự lừa dối đối với người vay tiền. Do đó hợp đồng này bị vô hiệu đối với số tiền 15.000.000 đồng do bị lừa dối, số tiền 10.000.000 đồng là tự nguyện, nên có hiệu lực. Chứng cứ có trong hồ sơ xác định hộ ông Khum D vay 10.000.000 đồng, đã trả được số tiền 14.431.400 đồng là đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi.

Căn cứ các Điều 121, 132, 135, 137, 471 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng: Tuyên bố hợp đồng tín dụng số 268, ngày 21-3-2007 vô hiệu một phần do bị lừa dối đối với số tiền 15.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của QTD đối với số tiền 59.160.300 đồng; QTD chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông Khum D và bà Huốt Sa M là bị đơn; bà Dương Thị H và bà Lâm N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Khum D và bà Huốt Sa M, bà Dương Thị H và bà Lâm N.

[2] Về nội dung: Ngày 21-3-2007, giữa QTD và ông Khum D thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 268/07/HĐTD, theo hợp đồng thì ông Khum D vay tại QTD 25.000.000 đồng, lãi suất cho vay 1,35%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,025%/ tháng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiền để mua xe gắn máy, do không biết chữ nên ông Khum D lăn tay vào hợp đồng.

Trước khi vay tiền, ông Khum D và bà Huốt Sa M có thế chấp tài sản tại QTD 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00168.../QSDĐ/324/QĐ-UB (HL) do UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-8-2001, tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.330 m^2 do ông Khum D đứng tên. Đất tọa lạc ấp Kà Ốt, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu của QTD yêu cầu ông Khum D và bà Huốt Sa M trả số tiền vay còn nợ 17.500.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 2,025%/ tháng tính đến ngày 26-10-2018 là 41.660.300 đồng thấy rằng, tại thời điểm năm 2007, QTD khi tiến hành thủ tục cho khách hàng vay vốn đã thực hiện không đúng theo Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT, ngày 23-02-2005 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng công ty cao su Tân B như: Người trực tiếp giao dịch với khách hàng khi làm thủ tục vay không phải là cán bộ tín dụng của QTD; không xác định nhu cầu vốn vay của khách hàng, nên số tiền vay trong hợp đồng và số tiền khách hàng thực nhận khác nhau, do không biết chữ, nhưng trước khi lăn tay vào hợp đồng không được ai đọc lại nội dung; người không vay tiền nhưng được nhận tiền tại kho quỹ của QTD, còn khách hàng nhận tiền vay tại nhà bà Lâm N và bà Dương Thị H...

Tại Kết luận thanh tra số 36/KL-TNI_5, ngày 19-01-2009 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tây Ninh kết luận: " QTD Cao su Tân B cho vay 03 đợt đối với 31 hộ dân tộc Khmer số tiền vay 705 trđ không đúng quy trình cho vay, thông qua người môi giới để người môi giới chiếm dụng vốn vay của khách hàng. Do các hộ vay không biết chữ và không nói thông thạo tiếng Việt nên thông qua 02 người môi giới tạo điều kiện cho 02 người môi giới lợi dụng chiếm dụng vốn vay của các hộ dân tộc 504 trđ... Giám đốc chỉ đạo kế toán và thủ quỹ lập thu khống số tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn số tiền 379 trđ bằng với số tiền giải ngân nhận nợ cho 18 hộ vay vốn để mua xe tại DNTN Sơn Thành T, sửa nhà nhưng thực tế người vay chỉ ký nhận trên phiếu chi không nhận tiền vay tại Quỹ. Khi người vay nhận tiền tại DNTN Sơn Thành T thông qua người môi giới, 02 đối tượng môi giới chiếm dụng một phần vốn vay... người môi giới thu tiền phí quan hệ và hồ sơ vay vốn mỗi hộ từ 500.000 đ đến 800.000 đ".

Tại bảng kê chi tiết các hộ vay bị chiếm dụng; Công văn số 190/CV-QTD, ngày 11-10-2011; Công văn số143/CV-QTD, ngày 07-7-2014 QTD thừa nhận các hộ vay người dân tộc, người kinh bị chiếm dụng vốn, trong đó hộ ông Khum D theo hợp đồng tín dụng vay 25.000.000 đồng, nhưng thực nhận 10.000.000 đồng, bị chiếm dụng 15.000.000 đồng, ông Khum D đã trả được số tiền 14.431.000 đồng (gốc 7.500.000 đồng, tiền lãi 6.931.000 đồng).

Tại các biên bản giải quyết tại Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 10-6-2011 và biên bản giải quyết tại Công an xã Tân Đông, huyện Tân Châu ngày 04-8-2010 và ngày 11-5-2010 bà Dương Thị H và bà Lâm N cũng thừa nhận chiếm dụng số tiền của 23 hộ vay vốn là người dân tộc, người kinh tại QTD số tiền 383.500.000 đồng, trong đó số tiền bà Hải chiếm dụng 237.000.000 đồng, bà Lâm N chiếm dụng 146.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, QTD không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền trên đối với bà Hải, bà Nữ.

Với những chứng cứ trên thấy rằng, Hợp đồng tín dụng số 268/07/HĐTD, ký kết giữa QTD với ông Khum D ngày 21-3-2007 là vô hiệu do bị lừa dối, vì khi lăn tay vào hợp đồng tín dụng, người vay không biết số tiền ghi trong hợp đồng là bao nhiêu, không được cán bộ QTD đọc lại nội dung hợp đồng cho nghe, trong khi người vay là người dân tộc không biết chữ, không nói được tiếng Việt, trong hợp đồng tín dụng số tiền cho vay nhiều hơn nhu cầu vốn vay của khách hàng, nên số tiền còn lại theo hợp đồng bị người thứ ba chiếm dụng. Do hợp đồng tín dụng vô hiệu, nên Hợp đồng thế chấp tài ản số 105/07/HĐTC, ngày 21 tháng 3 năm 2007 giữa đại diện QTD do ông Trương Văn V ký bên nhận thế chấp với bên thế chấp do ông Khum D và bà Huốt Sa M lăn tay được được UBND xã Tân Đông chứng thực và đăng ký tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Châu ngày 20-3-2007 cũng vô hiệu theo, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, khôi phục lại tình trạng ban đầu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Ông Khum D và bà Huốt Sa M có trách nhiệm trả cho QTD số tiền vay đã nhận 10.000.000 đồng. Nhưng theo phiếu thu QTD cung cấp đã xác định hộ ông Khum D và bà Huốt Sa M đã trả được số tiền 14.431.000 đồng, trong đó trả tiền gốc 7.500.000 đồng, tiền lãi 6.931.000 đồng, như vậy ông Khum D và bà Huốt Sa M đã trả cho QTD thừa 4.431.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Khum D và bà Huốt Sa M không yêu cầu trả lại số tiền 4.431.000 đồng và không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của QTD yêu cầu ông Khum D và bà Huốt Sa M trả số tiền vay 17.500.000 đồng và tiền lãi 41.660.300 đồng.

QTD có trách nhiệm trả cho ông Khum D và bà Huốt Sa M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00168.../QSDĐ/324/QĐ-UB (HL) do UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-8-2001, tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.330 m^2 do ông Khum D đứng tên.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 300.000 đồng QTD phải chịu. Ghi nhận ngày 28-8-2018 QTD đã nộp xong.

[5] Chi phí phiên dịch cho ông Lương Văn P đã được giải quyết tại Bản án số 94/2018/DS-ST, ngày 26-10-2018.

[6] Tiền tạm ứng án phí và tiền án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 121, 132, 137, 355, 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

1. Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 268/07/HĐTD, ký kết giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B do ông Trương Văn V đại diện với ông Khum D ngày 21-3-2007 là vô hiệu do bị lừa dối.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B yêu cầu ông Khum D và bà Huốt Sa M trả số tiền vay 17.500.000 đồng và tiền lãi 41.660.300 đồng, tổng cộng 59.160.300 đồng (năm mươi chín triệu, một trăm sáu mươi nghìn, ba trăm đồng).

2. Ông Khum D và bà Huốt Sa M đã trả cho Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B số tiền 14.431.000 đồng. Ghi nhận ông Khum D và bà Huốt Sa M không yêu cầu Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B trả lại số tiền 4.431.000 đồng và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

3. Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B có trách nhiệm trả cho ông Khum D và bà Huốt Sa M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00168.../QSDĐ/324/QĐ-UB (HL) do UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-8-2001, tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.330 m^2 do ông Khum D đứng tên.

4. Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B phải chị 300.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ghi nhận Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B đã nộp xong.

5. Chi phí phiên dịch cho ông Lương Văn P đã được giải quyết tại Bản án số 94/2018/DS-ST, ngày 26-10-2018.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B phải chịu 2.958.000 đồng (hai triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B đã nộp 1.268.000 đồng (một triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo 02 biên lai thu số 0008654, ngày 04-4-2012 và số 0023690, ngày 18-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B còn phải nộp 1.690.000 đồng (một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV, TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Cá đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Quốc Vũ